TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 73/2026/DS-ST
Ngày: 28 - 8 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Hoàng Mỹ Dung

Ông Nguyễn Đức Binh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nhi - Thư ký Tòa án nhân Khu vực 17- Lâm Đồng.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026, về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 194/2026/QĐST-DS, ngày 17 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ: Số H, đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Đỗ Hoàng L-Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân; Phạm Tuấn A- Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Khách hàng doanh nghiệp; Đỗ Thành T- Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân; Nguyễn Hồng B- Chức vụ: Trưởng phòng cao cấp Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân 1; Nguyễn

Anh T1- Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân 3; Hà Xuân S- Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân 6; Vũ Ngọc Q- Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân 2; Nguyễn Văn Đ- Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân 5; Lê Đức L1- Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng doanh nghiệp 1; Nguyễn Thế A1- Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng doanh nghiệp 3; Nguyễn Như G- Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 2; Cao Duy T2- Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 1. *(Theo Văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT, ngày 07/11/2025).*

Người được ủy quyền lại của ông Vũ Ngọc Q: Ông Đỗ Thành Trí T3 - Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ. Địa chỉ: Số A, đường T, phường P, tỉnh Lâm Đồng; Ông Dương Đức T4 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Số A, đường T, phường P, tỉnh Lâm Đồng. *(Theo văn bản ủy quyền số 309293/2026/UQ-VPB, ngày 11/3/2026).*

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1985, căn cước công dân: 040185025961, ngày cấp 23/5/2025, nơi cấp: Bộ C; Nơi cư trú: Số D, đường D, tổ E, thôn S (nay là thôn G), xã N, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Thanh H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số D, đường số D, tổ E, thôn S (nay là thôn G), xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên toà có mặt ông T4; còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện trình bày:

Ngày 05/08/2024, Ngân hàng TMCP V (V1) và bà Phạm Thị N ký hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên K), số: LD2421800912. Theo đó, Ngân hàng TMCP V (V1) cho bà N vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); Thời hạn cho vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng TMCP V (V1) giải ngân vốn vay cho khách hàng đến ngày 15/07/2027; Lãi suất cho vay: Tại thời điểm giải ngân là 22%/năm, sau đó

được điều chỉnh; mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 01/07/2025, Ngân hàng TMCP V (V1) và bà Phạm Thị N ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (dành cho khách hàng cá nhân). Theo đó, Ngân hàng TMCP V (V1) cho bà N vay số tiền 101.800.000 đồng *(Một trăm lẻ một triệu tám trăm ngàn đồng)*; Thời hạn vay 48 tháng; Lãi suất trong hạn 28%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị N thực hiện nghĩa vụ trả lãi và gốc theo các hợp đồng, tuy nhiên kể từ ngày 15/11/2025 bà N không còn thanh toán tiền lãi và gốc như thoả thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Phía Ngân hàng TMCP V (V1) đã nhiều lần làm việc yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi vay quá hạn nhưng bà N vẫn không thực hiện.

Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị N phải hoàn trả số tiền nợ của các hợp đồng, cụ thể:

Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên K), số: LD2421800912 tính đến ngày 28/8/2026 là 88.377.604 đồng *(T5 mươi tám triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm lẽ bốn đồng)* (Trong đó, nợ vay là 67.964.617 đồng *(Sáu mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm mười bảy đồng)*, nợ lãi trong hạn là 1.230.937 đồng *(Một triệu hai trăm ba mươi ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng),* nợ lãi quá hạn là 19.182.050 đồng *(Mười chín triệu một trăm tám mươi hai ngàn không trăm năm mươi đồng).*

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (dành cho khách hàng cá nhân) tính đến ngày 28/8/2026 là 136.417.812 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm mười bảy ngàn tám trăm mười hai đồng)* (Trong đó, nợ vay là 98.935.295 đồng *(Chín mươi tám triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng)*, nợ lãi trong hạn là 2.247.999 đồng *(Hai triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi chín đồng)*; nợ lãi quá hạn là 35.234.518 đồng *(Ba mươi lăm triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn năm trăm mười tám đồng).*

Yêu cầu bà N tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP V (V1) theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng từ ngày 29/8/2026 cho đến khi bà Phạm Thị N thực tế thanh toán hết nợ cho V1.

Theo hồ sơ vụ án bị đơn trình bày:

Trước đây bà Phạm Thị N có ký hợp đồng vay Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và ký hợp đồng vay Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 101.800.000 đồng *(Một trăm lẽ một triệu tám trăm ngàn đồng)*. Sau khi vay bà N thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi theo thoả thuận. Tuy nhiên, sau đó mất khả năng, nên bà N không còn trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) tiền gốc và tiền lãi như thoả thuận.

Tính đến ngày 16/6/2026 tổng số tiền nợ gốc bà N còn thiếu Ngân hàng TMCP V (V1) là 166.899.912 *đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm chín mươi chín ngàn chín trăm mười hai đồng)* và tiền lãi nhưng không biết chính xác số tiền bao nhiêu. Hiện nay bà N mất khả năng trả tiền nợ, nên xin Ngân hàng TMCP V (V1) không tính tiền lãi và xin trả nợ gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi hết nợ.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có đơn khởi kiện độc lập, cũng không có ý kiến, tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, cũng không tham gia làm việc và tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu bà bà Phạm Thị N phải hoàn trả số tiền nợ vay và tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng; bà N hiện thường trú tại xã N, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng và quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung; Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Tại phiên toà mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lý do, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Vụ án Toà án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng không tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đã được sửa đổi, bổ sung.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn khởi kiện độc lập; không cung cấp tài liệu, chứng cứ, cũng không tham gia làm việc, tham gia phiên tòa nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác giao nộp và Toà án thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[5] Các đương sự, người đại diện đều thống nhất ngày 05/08/2024, Ngân hàng TMCP V (V1) và bà Phạm Thị N ký hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên K), số: LD2421800912, theo đó Ngân hàng TMCP V (V1) cho bà Phạm Thị N vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); Ngày 01/07/2025, Ngân hàng TMCP V (V1) và bà Phạm Thị N ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (dành cho khách hàng cá nhân), theo đó Ngân hàng TMCP V (V1) cho bà Phạm Thị N vay số tiền 101.800.000 đồng (*Một trăm lẻ một triệu tám trăm ngàn đồng*) nên đây là sự thật không cần phải chứng minh.

[6] Theo đại diện Ngân hàng TMCP V (V1) sau khi ký các hợp đồng bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, nợ lãi theo thoả thuận hàng tháng; tuy nhiên, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay và lãi kể từ ngày 15/11/2025.

Số tiền nợ vay của hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên K), số: LD2421800912 là 67.964.617

đồng *(Sáu mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm mười bảy đồng);* Số tiền nợ vay của hợp đồng Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (dành cho khách hàng cá nhân) là 98.935.295 đồng *(Chín mươi tám triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng).* Tổng số tiền nợ vay của hai hợp đồng là 166.899.912 đồng *(Một trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm chín mươi chín ngàn chín trăm mười hai đồng).*

Bà N cũng thừa nhận số tiền nợ vay của hai hợp đồng bà N còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) là 166.899.912 đồng *(Một trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm chín mươi chín ngàn chín trăm mười hai đồng).*

Tuy nhiên, bà N xin trả dần mỗi tháng, với số tiền 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*; Thế nhưng Ngân hàng TMCP V (V1) không đồng ý.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) đối với số tiền nợ vay của hai hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Theo đại diện Ngân hàng TMCP V (V1) hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên K), số: LD2421800912, các bên thoả thuận lãi suất thời điểm giải ngân là 22%/năm; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (dành cho khách hàng cá nhân), các bên thoả thuận lãi suất trong hạn 28%/năm; các hợp đồng đều thoả thuận lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Các khoản vay bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 15/11/2025 chuyển thành nợ quá hạn nên số tiền lãi trong hạn của hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên K), số: LD2421800912 tính đến ngày 28/8/2026 bà N thiếu Ngân hàng TMCP V (V1) là 1.230.937 đồng *(Một triệu hai trăm ba mươi ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng)* nợ lãi quá hạn là 19.182.050 đồng (*Mười chín triệu một trăm tám mươi hai ngàn không trăm năm mươi đồng*); hợp đồng Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (dành cho khách hàng cá nhân) tính đến ngày 28/8/2026 bà N thiếu Ngân hàng TMCP V (V1) là 2.247.999 đồng *(Hai triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm*

chín mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 35.234.518 đồng *(Ba mươi lăm triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn năm trăm mười tám đồng).*

Quá trình làm việc bà N xác định bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã thoả thuận, nên bà N còn thiếu Ngân hàng TMCP V (V1) tiền lãi nhưng không biết chính xác số tiền thiếu bao nhiêu; từ đó đến nay bà N cũng không có ý kiến gì về số tiền lãi thực tế còn thiếu, cũng như việc đã thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng TMCP V (V1); đồng thời cũng không phản đối về thời gian vi phạm, mức lãi suất quá hạn thoả thuận và số tiền lãi mà Ngân hàng TMCP V (V1) trình bày; đồng thời trong quá trình tố tụng bà N trình bày do hiện nay bà N mất khả năng trả nợ nên xin không trả tiền lãi; thế nhưng đại diện Ngân hàng TMCP V (V1) không đồng ý.

Do đó, có cơ sở để chấp nhận đối với số tiền nợ lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn) mà Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu.

[8] Theo các hợp đồng và quá trình tố tụng đại diện Ngân hàng TMCP V (V1) xác định bà N vay tiền nhằm mục đích tiêu dùng, phục vụ nhu cầu đời sống; thời điểm vay chỉ có bà N trực tiếp giao dịch, nên chỉ yêu cầu cá nhân bà N phải hoàn trả nên chỉ cần buộc cá nhân bà N phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) là phù hợp.

[9] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V (V1).

[10] Các đương sự, người đại diện đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ vào*:** Khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung; Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, đã được sửa đổi bổ sung năm 2025; Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2025;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1).

1.1 Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền nợ vay và lãi theo Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên K), số: LD2421800912, ngày 05/08/2024 tính đến ngày 28/8/2026 là 88.377.604 đồng *(T5 mươi tám triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm lẽ bốn đồng).* (Trong đó, nợ vay là 67.964.617 đồng *(Sáu mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm mười bảy đồng),* nợ lãi trong hạn là 1.230.937 đồng *(Một triệu hai trăm ba mươi ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng)*, nợ lãi quá hạn là 19.182.050 đồng (*Mười chín triệu một trăm tám mươi hai ngàn không trăm năm mươi đồng*).

Bà Phạm Thị N tiếp tục phải trả lãi kể từ ngày 29/8/2026 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên K), số: LD2421800912, ngày 05/08/2024, cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1).

1.2 Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền nợ vay và lãi theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (dành cho khách hàng cá nhân) ngày 01/07/2025 tính đến ngày 28/8/2026 là 136.417.812 đồng *(Một trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm mười bảy ngàn tám trăm mười hai đồng).* (Trong đó, nợ vay là 98.935.295 đồng *(Chín mươi tám triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng)*, nợ lãi trong hạn là 2.247.999 đồng *(Hai triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi chín đồng)*; nợ lãi quá hạn là 35.234.518 đồng *(Ba mươi lăm triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn năm trăm mười tám đồng).*

Bà Phạm Thị N tiếp tục phải trả lãi kể từ ngày 29/8/2026 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (dành cho khách hàng cá nhân) ngày 01/07/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1).

2. Về án phí:

2.1 Ngân hàng TMCP V (V1) không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 4.633.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008391 ngày 08/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

2.2 Bà Phạm Thị N phải chịu 11.239.800 đồng *(Mười một triệu hai trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng) (đã làm tròn)* án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người đại diện có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự, người đại diện vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐKT,TT&THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Cơ quan THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THA.DS Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Trường